

KHẢ NĂNG KÌM GIỮ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG NĂM 2010

TS. Nguyễn Đại Lai
NHNN Việt Nam

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước sau 11 tháng so với đầu năm đã là 9,58% và so cùng kỳ năm trước đã lên tới 11,09%, trong đó riêng tháng 10 tăng 1,05% và tháng 11 tăng 1,86%. Con số CPI của Hà Nội sau 11 tháng là 11,41%. Các con số trên đều đưa ra thông điệp: CPI chung cả nước trong năm 2010 rất khó dừng ở mức tăng dưới 10%, vượt qua mức Quốc hội đã “quyết” không quá 7% hồi đầu năm và đến tháng 4 đã điều chỉnh lại theo đề xuất của Chính phủ, cho nới lên không quá 8%. Chỉ còn một tháng cuối năm với rất nhiều nhân tố gia tăng CPI theo thông lệ và theo cả đặc thù năm nay, nên CPI tháng 12 rất khó nhỏ hơn 1% và càng không thể nhỏ hơn 0,42% là ngưỡng giới hạn 10% cho năm 2010. Do vậy, khả năng kìm giữ được CPI cả năm so 12/2009 ở mức dưới 10% đã gần như không thể. Lý do lạm phát cao:

Về nguyên lý và cả trong thực tiễn: lạm phát cao luôn luôn phụ thuộc chính vào nhân tố tiền tệ trong mối quan hệ hàng - tiền, bởi các nhân tố về hàng hóa hay của cải bao hàm nhiều hàm lượng khách quan, còn nhân tố tiền tệ bao hàm nhiều hàm lượng chủ động hơn. Theo đó, những nguyên nhân chính gây nên tình trạng lạm phát cao trong năm nay có thể được nhận dạng một cách chưa đầy đủ, gồm:

- Chưa lường hết được sự bùng phát do tác động trễ của các nhân tố nới lỏng chính sách



tiền tệ (CSTT) và nhất là chính sách tài khóa trong gần suốt cả năm 2009 để chống suy giảm kinh tế sau tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu 2007 – 2008. Việc này đã được báo động từ rất sớm, ngay từ đầu năm nay khi nhìn lại tình trạng chỉ số ICOR trong đầu tư liên tục có xu hướng tăng mạnh từ những năm gần đây và đã lên tới trên tám đồng vốn cho một đồng tăng trưởng. Tình trạng đô la hóa, kể cả vàng hóa phương tiện thanh toán cũng có chiều hướng gia tăng, càng tác động mạnh đà tăng CPI.

- Chính phủ huy động trái phiếu khối lượng rất lớn với lãi suất cao gần bằng và ngang với lãi suất huy động bình quân của các ngân hàng thương mại (NHTM) đã vô tình làm cho NHTM không “cạnh tranh” nổi vì NHTM là doanh nghiệp nên rất khó “tiêu thụ” vốn giá cao, nhưng Chính phủ thì chi “vô tư” hơn, làm cho chi phí đẩy nhiều công trình, hạng mục có đầu tư lớn của nhà nước đều tăng. Đặc biệt là giá đền bù, giải phóng mặt bằng rất cao, vừa “giải phóng” người lao động ra khỏi tư liệu sản xuất, vừa tăng cầu tiêu dùng cho chính họ ở những vùng có dự

án lớn đã tạo ra một kênh cho tiền từ các dự án chảy vào nền kinh tế, gây hiệu ứng tăng giá nhiều nhóm hàng hóa ăn theo phi dự án khác trên thị trường tiêu dùng.

- Tham nhũng kiểu Vinashin là một điển hình góp phần đẩy giá tiêu dùng lên. Đặc biệt là giá thực phẩm, văn hóa, du lịch, học tập và gần đây là sự “nổi loạn” của giá vàng, giá đô la cộng hưởng với sự “nhảy múa” của giá thuốc tây, giá nguyên vật liệu và giá lương thực, thực phẩm sau lũ lụt miền Trung.

- Nhập siêu năm 2010 tuy có giảm khá về số tương đối, song về giá trị tuyệt đối vẫn khó dưới 13 tỷ USD, trong khi đó vốn đầu tư nước ngoài thực tế giải ngân khó vượt qua 10 tỷ USD cả FDI, cả ODA - sẽ là áp lực lên dự trữ ngoại hối và tỷ giá. Mặt khác, tình trạng đô la hóa ở Việt Nam kéo dài triển miên trong bối cảnh đồng nội tệ luôn bị ở thế yếu và không có khả năng tự do chuyển đổi, đã không chỉ gây nhiều cho chính sách tiền tệ mà còn tạo ra một kênh bơm tiền và bơm vốn khác một cách trực tiếp bổ sung vào M2 ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong khi NHNN lại phụ thuộc và là cơ quan của Chính phủ, càng gây lạm phát bất ổn vĩ mô mỗi khi có vấn đề mất thăng bằng cán cân thanh toán tổng thể.

- Nhiều kênh dẫn vốn vào thị trường đầu vào và “dẫn tiền” ra thị trường tiêu dùng ở đầu ra cùng với những hiệu ứng của chúng tham gia đẩy giá tiêu dùng đi lên. Đó là các kênh: tín dụng ngoại tệ tăng rất mạnh từ những quý đầu năm đã đến kỳ đáo hạn, đầu tư của Chính phủ tăng liên tục, hơn 80% giá trị hàng xuất khẩu có nguyên liệu là hàng



nhập khẩu mà tỷ giá liên tục tăng đã đồng nghĩa với nhập khẩu lạm phát, hầu như không có ngành công nghiệp phụ trợ làm cho nền kinh tế bị chia cắt cục bộ ngay trong cùng một thị trường trong nước. Các khoản nợ nước ngoài đến hạn của Chính phủ, thị trường bất động sản tăng, sức ép tăng từ nhiều mặt hàng có giá độc quyền của nhà nước như xăng, dầu, điện, than, y tế, giáo dục... là những nhân tố không giống các nước xung quanh nên dù họ cũng có rất nhiều nhân tố khách quan,

ngoại cảnh tương đồng song nền kinh tế của họ không bị lạm phát cao như Việt Nam.

- Tín dụng ngoại tệ và cả tín dụng vàng tăng mạnh, trong đó tốc độ tăng tín dụng ngoại tệ còn qua mặt cả tốc độ tăng tín dụng nội tệ. Tình trạng đô la hóa và “vàng hóa” phương tiện thanh toán đã và vẫn tiếp tục gây nhiều trong năm 2010 là nỗi ám ảnh rất lớn đến thị trường vốn và thị trường tiền tệ Việt Nam. Tình trạng này cũng là nhân tố kích hoạt ngay



từ trong sản xuất bởi phụ thuộc giá nhập khẩu lan ra thị trường tiêu thụ đã tạo thêm lực đẩy CPI năm 2010 tăng lên.

- Đồng tiền Việt Nam dường như ngày càng quá nhỏ bé về sức mua nếu nhìn xuyên về lịch sử 25 năm qua, kể từ ngày đổi tiền lần cuối cùng 14/9/1985 tính đến nay so với mệnh giá rất lớn ghi trên mặt của nó: ít quốc gia nào cho phép phát hành loại tiền mệnh giá trên 1.000 đơn vị tiền tệ, trong khi tiền của ta, tờ có mệnh giá

lớn lên tới 500.000đ =1/2 triệu và hầu như không còn loại tờ 1.000đ trở xuống trên thị trường hàng hóa, dịch vụ trong khi nếu nhìn vào nền kinh tế đối ngoại thì vẫn là nền kinh tế nhập siêu (trừ năm 1992) từ nhiều thập kỷ qua. Nghĩa là đồng nội tệ đã liên tục yếu đi so với sức mua đối ngoại mà vẫn không cải thiện được tình trạng nhập siêu. Trong khi đó, cuộc chiến tiền tệ giữa các cường quốc, cũng như cuộc chiến nợ công giữa các quốc gia cũng đang gây sức ép giảm sức mua của nhiều

đồng tiền, làm cho thu nhập thực tế của người lao động ở không ít quốc gia đang bị đe dọa bởi các cỗ máy in tiền quá mức. Đặc biệt là sự lạm dụng quyền lực tự do chuyển đổi của những đồng tiền mạnh... cũng là nguyên nhân đẩy lạm phát mang tính toàn cầu.

- Không lường trước được thiên tai về lũ lụt kinh hoàng gây ra chông chát tại miền Trung vào tháng 9, tháng 10, tiếp tục kéo sang tháng 11 và nạn hạn hán kéo dài hàng năm ở đồng bằng Sông Hồng gây hiệu ứng đẩy giá lương thực, thực phẩm lên cao kỷ lục.

- Không tính hết được những tác động cả vật chất lẫn tâm lý về gia tăng chi tiêu đầu tư và “ăn theo” xung quanh Đại Lễ 1000 năm Thăng Long...

Cũng chính các nhân tố trên đã góp phần tạo nên bức tranh nghịch lý: trong lúc đồng tiền Mỹ mất giá mạnh và rất mạnh ở khắp nơi so với các đồng tiền mạnh khác như Euro, Bảng Anh, Franc Thụy Sĩ (thậm chí đã “qua mặt” đồng USD) và nhất là với đô la Singapore, Baht Thái Lan, Yên Nhật... thì tại Việt Nam, USD lại lên giá rất mạnh với VND. Đến những ngày cuối tháng 11 này vẫn còn vượt con số 21.200đ/USD so với con số này là 18.800đ/USD hồi đầu năm, giá vàng cùng thời điểm này cũng vẫn ở xung quanh con số rất cao: 36 triệu đ/lượng sau khi đã giảm nhẹ so với kỷ lục trên 38 triệu đ/lượng vào đầu tháng.

Một trong những vấn đề trọng tâm của kinh tế vĩ mô hiện nay lúc này là bảo vệ giá trị sức mua của đồng tiền nội tệ. Vậy giải pháp nào để bảo vệ giá trị sức mua đối nội và đối ngoại của đồng tiền Việt Nam? Tôi cho rằng ngoài vấn đề về tính chủ động, tính đề

cao trách nhiệm của các vị tư lệnh ngành phải tăng cường một cách rõ ràng và danh tính hơn; các cân đối lớn cần phải “cân đong” lại; cơ cấu kinh tế và vấn đề điều hành phải đúng địa chỉ, đúng trọng tâm về các việc chi và tiêu của Chính phủ... thì các giải pháp về quan hệ tiền – hàng, cũng như những qui luật mang tính lý thuyết cơ bản không thể không vận dụng ngay đó là:

- Trước hết cần nhận diện và vận dụng các qui luật của tiền tệ: lượng tiền nội tệ cung ứng càng lớn so với mức đã bảo hòa trước đó thì tỷ giá càng tăng (do bằng số đồng nội tệ/ một đồng ngoại tệ), cũng đồng nghĩa với lạm phát càng cao; cầu về ngoại tệ càng lớn thì tỷ giá càng tăng và ngược lại, tức là lãi suất huy động ngoại tệ phải càng giảm thì tỷ giá cũng sẽ phải giảm theo; lãi suất nội tệ càng tăng thì ngược lại, không những tỷ giá sẽ càng giảm mà chỉ số lạm phát cũng càng giảm do giá đồng nội tệ tăng... Suy cho cùng, sức mua đối nội và đối ngoại của đồng nội tệ phải tăng thì mới chống được lạm phát.

- Từ những nguyên lý mang tính qui luật nói trên, để chống gia tăng tỷ giá lúc này cần phải có các giải pháp tương ứng để làm “xì hơi” các áp lực đang làm cho tỷ giá và lạm phát tăng. Trong đó giải pháp mạnh để làm “xì hơi” có hiệu ứng rõ nhất chính là dùng ngoại tệ dự trữ để mua tiền đồng vào, bán ngoại tệ ra theo các địa chỉ được xem là đang có áp lực lớn nhất và thiết thực nhất. Đồng thời với việc này là hàng loạt các giải pháp khác và mang tính ngắn hạn như: tăng lãi suất huy động tiền đồng, tăng dự trữ bắt buộc tiền gửi, giảm mạnh lãi suất huy động và cho vay ngoại tệ và vàng; cân đối lại chi và tiêu ngân

sách nhà nước; tạm dừng nhập khẩu những đơn hàng không thiết yếu; đa dạng hóa cơ cấu danh mục tiền dự trữ cũng như thanh toán quốc tế; chuyển dần và tiến tới chuyển mạnh từ quan hệ tín dụng ngoại tệ giữa NHTM (kể cả các NHTM nước ngoài hiện diện thương mại tại Việt Nam) với doanh nghiệp nhập khẩu, xuất khẩu sang quan hệ mua bán ngoại tệ và phát triển các nghiệp vụ phái sinh để tạo các kênh bảo hiểm tỷ giá cho doanh nghiệp...; đến những giải pháp mang tính trung và dài hạn như: tăng cường các biện pháp mạnh về quản lý nhà nước để chống đô la hóa bằng luật và hệ thống hành chính một cách cương quyết theo hướng trên đất Việt Nam nhất thiết chỉ tiêu tiền Việt Nam đối với mọi thành phần, mọi khu vực kinh tế và xác định lộ trình để không còn tín dụng ngoại tệ trong thị trường vốn; quản lý chặt việc cung ứng và sử dụng phương tiện thanh toán của tất cả các nhóm ngân hàng, kể cả các ngân hàng có nhân tố nước ngoài; tiến tới khuyến khích các dòng ngoại tệ chảy vào Việt Nam chỉ đi qua thị trường ngoại hối và thị trường tiền gửi mà không cho phép đi qua thị trường tín dụng; tăng cường mở chi nhánh hoặc mở ngân hàng 100% vốn Việt tại nước ngoài để vừa phát triển thị trường dịch vụ ngân hàng ra nước ngoài, vừa đáp ứng nhanh nhất các nhu cầu tiền đồng ngay từ ngoài biên giới lãnh thổ cho khách và kể cả cho nhà đầu tư nước ngoài vào du lịch hay làm ăn tại Việt Nam; phát triển mạnh hệ thống các doanh nghiệp phụ trợ, phải cải thiện rõ rệt cơ cấu chi phí trong giá thành sản phẩm hàng hóa xuất khẩu theo hướng: tỷ trọng lớn sẽ là chi phí mua nguyên, nhiên liệu, sức lao động cũng như thiết bị máy móc do Việt Nam sản

xuất, tăng mạnh hàm lượng nội hóa giá trị hàng xuất khẩu của Việt Nam; hình ảnh đồng tiền Việt Nam phải ngày càng được cải thiện không chỉ về niềm tin vào sức mua ổn định, mà tiến tới cả về mệnh giá và tính độc lập được bảo vệ, được sùng bái trong công chúng.

Những mạn đàm trên đây chủ yếu là các nhận diện và đề xuất mang tính định tính và chưa đầy đủ. Chắc chắn rằng các cơ quan quản lý nhà nước, các vị tư lệnh các mặt trận kinh tế có đầy đủ quyền lực và số liệu trong tay sẽ có những phản ứng nhanh nhạy, chủ động với tình hình, có chính sách kịp thời để có thể hy vọng CPI năm 2010 kìm giữ được ở con số xung quanh 10% và trong tầm nhìn xa hơn, đồng tiền Việt Nam sẽ có giá trị sức mua đối nội và đối ngoại cao hơn, tiến tới có bản vị hàm kim lượng, có khả năng tự do chuyển đổi và ngày càng tạo được niềm tin của người thụ hưởng ở trong nước và nước ngoài ■

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam khóa 10 (2010), *Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 2011 - 2020*.
2. Dương Ngọc (2010), *Ưu tiên kìm chế lạm phát - Giá 11 tháng đầu năm diễn biến phức tạp*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 282, ngày 25/11/2010.
3. Nguyễn Đại Lai (2009), *Kinh tế Việt Nam 2009: Từ chống suy giảm chuyển sang chống tái lạm phát* - Tạp chí Thị trường Tài chính - Tiền tệ, số 22, tháng 11/2009.
4. Nguyễn Đại Lai (2009), *Kinh tế Việt Nam giai đoạn vực dậy & chống bùng nổ tái lạm phát*, Tạp chí Nhà Quản lý, số 78, tháng 12/2009.
5. Nguyễn Đại Lai (2010), *Thách thức lạm phát và vấn đề điều hành chính sách lãi suất, chính sách tỷ giá hiện nay*, Tạp chí Ngân hàng số 8, tháng 4/2010.